TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2019
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phùng Văn Thị** và ông **Phạm Mạnh Cường**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông **Đỗ Anh Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 147/TB-TA ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị T** - Sinh năm 1993.
Địa chỉ: Khu 8, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ
Bị đơn: Anh **Đỗ Văn K** - Sinh năm 1987
Địa chỉ: Khu 8, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
Chị T có mặt, anh K đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Chị Đỗ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với anh Đỗ Văn K, có địa chỉ cư trú tại; khu 8, xã S, huyện T. Cụ thể, theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đỗ Thị T trình bày như sau:

- Chị và anh Đỗ Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 05/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng với gia đình anh K. Vợ chồng chunhg sống được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng không giải quyết được và đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống cùng nhau được vì vậy chị yêu cầu được được ly hôn với anh Đỗ Văn K.

- Về con chung chị và anh Đỗ Văn K không có nên không yêu cầu.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía anh Đỗ Văn K đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Đỗ Văn K vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải được vụ án và quyết định xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận nhưng do quan điểm sống và tính cách bất đồng nên đã phát sinh mâu thuẫn, cả hai lại không có biện pháp tích cực để hàn gắn và giải mâu thuẫn vì vậy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân nhau từ nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chính quyền địa phương cũng đã can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Như vậy, trên thực tế vợ chồng đã không còn sống chung, không còn nghĩa vụ quan tâm chăm sóc nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, nếu cứ ràng buộc sẽ làm cho hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy xét yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị T là chính đáng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh K không có nên không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, vay công nợ chung và các vấn đề khác: Chị T không yêu cầu giải quyết và cũng do anh K vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm, xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử: Cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn K.

- Về con chung không có nên không giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo *"Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án"* số AA/2016/0001753 ngày 01/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã S;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Tuấn